

TỜ TRÌNH
Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh,
Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020

Kính gửi: Bộ Công Thương

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Thực hiện Quyết định 533/QĐ-TTg ngày 07/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam;

Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (sau đây viết tắt là TCT) đã báo cáo chi tiết tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm 2011-2015 và xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 trong các công văn số 885/BC-TLVN ngày 18/11/2014 và công văn số 1181/BC-TLVN ngày 25 tháng 12 năm 2015 báo cáo các Bộ ngành quản lý

Thực hiện theo công văn số 6779/BCT-KH ngày 22/7/2016 của Bộ Công Thương v/v báo cáo tình hình thực hiện năm 2015 và giai đoạn 2011-2015, TCT đã có công văn 597/BC-TLVN ngày 26/7/2016 báo cáo chi tiết.

Căn cứ Tờ trình số 693/TTr-TLVN ngày 08/9/2016 của Tổng công ty trình Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v phê duyệt Chiến lược phát triển Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giai đoạn 2015-2025;

Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam báo cáo tóm tắt lại kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 533/QĐ-TTg ngày 07/5/2012 và đăng ký lại kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 như sau:

I- TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Kết quả thực hiện kế hoạch 2011-2015

Chi tiêu	ĐVT	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	Tăng BQ (%)	
							2011-2015 (QĐ 533)	TH 2011-2015
1. Giá trị SXCN (giá CĐ 94)	Tỷ đồng	10.033	9.958	11.918	10.567	12.482	2,13	5,61
2. Sản phẩm chính								
a) Thuốc điếu	Triệu bao	3.215	3.066	3.315	3.149	3.433	2,17	1,65
+ Nội tiêu	"	2.096	2.047	2.230	1.922	2.228	3,13	1,53
+ Xuất khẩu	"	1.119	1.019	1.086	1.227	1.205	0,31	1,88
b) Bánh kẹo	Tấn	38.101	34.000	35.452	36.528	36.644	3,14	0,97

Chi tiêu	ĐVT	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	Tăng BQ (%)	
							2011-2015 (QĐ 533)	TH 2011-2015
3. Tổng doanh thu (có thuế TTĐB)	Tỷ đồng	31.892	28.085	32.618	30.111	32.876	2,77	0,76
+ Doanh thu Thuốc điều	"	15.083	15.511	18.650	18.376	20.006	4,35	7,32
+ Doanh thu Bánh kẹo	"	1.955	1.881	2.099	2.281	2.243	9,88	3,50
4. Nộp ngân sách	"	6.655	7.165	8.283	7.577	8.654	4,67	6,79
5. Lợi nhuận trước thuế	"	931	835	1.354	1.317	1.332	5,68	9,37
6. Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	137	132	160	175	176	3,94	6,48

Ghi chú: Các chỉ tiêu SXKD được đánh giá so với kế hoạch giai đoạn 5 năm 2011-2015 của Tổng công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 533/QĐ-TTg ngày 07/5/2012.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá CĐ1994): tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2011-2015 là 5,61%/năm, tăng 3,5 điểm % so với QĐ 533.

- Tổng sản lượng thuốc lá điều tiêu thụ giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 1,65%/năm, giảm 0,5 điểm% so với Quyết định 533. Nguyên nhân có sự suy giảm mạnh của sản lượng tiêu thụ thuốc điều năm 2014 do chịu ảnh hưởng nặng nề của thuốc lá nhập lậu và ảnh hưởng của tâm lý tiêu dùng khi in chuyển đổi in CBSK bằng hình ảnh trên bao thuốc, việc năm 2015 TCT lấy lại được thị phần và tăng trưởng so với các năm trước là cố gắng nỗ lực của toàn Tổ hợp.

- Kim ngạch xuất khẩu của Tổng công ty thực hiện năm 2015 đạt 176 triệu USD (vượt 17 triệu USD so với dự kiến kim ngạch xuất khẩu 2015 tại Quyết định 533/TTg), tăng trưởng bình quân cả giai đoạn đạt 6,48%/năm, tăng 2,54%/năm so với QĐ 533/TTg.

- Tổng doanh thu giai đoạn 2011-2015 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân là 0,76%/năm giảm 2 điểm % so với KH được giao. Mặc dù hoạt động tiêu thụ sản phẩm của toàn ngành gặp nhiều khó khăn, TCT đã nỗ lực thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng giá trị và chất lượng nên tốc độ tăng trưởng doanh thu thuốc lá điều vẫn cao hơn xấp xỉ 3 điểm % so với chỉ tiêu đề ra trong Quyết định 533/TTg.

- Nộp ngân sách Nhà nước: thực hiện cả giai đoạn 2011-2015 đạt 38.417 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân ở mức 6,79%/năm, tăng xấp xỉ 2,2 điểm % so với tốc độ tăng trưởng theo Quyết định 533/TTg.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện giai đoạn 2011-2015 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,37%/năm, tăng 3,69 điểm % so với tốc độ tăng trưởng đề ra tại Quyết định 533/TTg.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015

Trong giai đoạn 2011-2015, TCT đầu tư triển khai thực hiện 53 dự án với tổng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện đạt 1.537,516 tỷ đồng, (Xây lắp: 590,041 tỷ đồng, Thiết bị: 947,479 tỷ đồng).

Các dự án đầu tư của TCT chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực chính sau:

- Các chương trình tổng thể di dời Công ty Thuốc lá Sài Gòn và chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long sử dụng nguồn vốn từ tiền chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất và bán nhà xưởng sau khi di dời.

- Đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, chuyển dịch từ công nghệ lạc hậu sang công nghệ tiên tiến, công suất cao hơn.

- Các dự án xây nhà xưởng phục vụ cho công tác sản xuất, xây kho chứa nguyên liệu thuốc lá, cải tạo và xây dựng nhà làm việc.

STT	Danh mục dự án	Đơn vị tính	Số dự án (QĐ 533)	Năng lực sản xuất (QĐ 533)	Tổng vốn đầu tư phát triển		Tỷ lệ (%) TH/KH
					KH 2011-2015 (QĐ 533)	TH 2011-2015	
A	B	C	1	2	3	4	5=(4/3)
1	Di dời công ty sản xuất thuốc lá	Triệu bao/năm	02	2.200	833,77	424,46	50,91
2	Di dời công ty sản xuất bánh kẹo	Tấn bánh kẹo/năm	04	53.438	787,00	113,12	14,37
3	Máy móc thiết bị sản xuất		17		2.463,38	853,44	34,64
4	Khác		01		38,20	146,49	383,48
TỔNG CỘNG			24		4.122,35	1.537,51	37,30

3. Đánh giá chung kết quả thực hiện Quyết định 533/TTg phê duyệt kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

3.1. Những kết quả nổi bật

- Qua những kết quả đạt được, có thể đánh giá SXKD của toàn Tổ hợp TCT đã phát triển theo đúng Quan điểm và Mục tiêu Phát triển được phê duyệt tại Quyết định 533/QĐ-TTg:

+ Với thị phần chi phối trên thị trường nội địa và xuất khẩu thuốc lá, TCT tiếp tục giữ vai trò là đơn vị kinh tế mạnh, đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp Thuốc lá và công tác phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá nội địa, góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế, xã hội chung là xóa đói, giảm nghèo, công nghiệp hóa nông thôn.

+ Lĩnh vực ngành nghề khác của TCT được định hướng phát triển theo Quyết định 533/QĐ - TTg là lĩnh vực thực phẩm chế biến (SXKD thực phẩm - bánh kẹo) đã được kinh doanh có hiệu quả.

- Các chỉ tiêu quan trọng như lợi nhuận, doanh thu thuốc điều, nộp ngân sách, giá trị SXCN, kim ngạch xuất khẩu đều vượt kế hoạch dự kiến trong Quyết định 533/TTg trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn với sức mua người tiêu dùng còn ở mức thấp do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế giai đoạn 2010-2011, sự gia tăng đột biến của thuốc lá nhập lậu ảnh hưởng tiêu cực đến toàn ngành năm 2014-2015. Không tính Công ty Thực phẩm Miền Bắc đã bị lỗ trước khi gia nhập TCT năm 2009, tình hình tài chính của TCT và các công ty con đều lành mạnh, sự tăng trưởng dòng tiền bền vững trên nền tảng phát triển các ngành SXKD cốt lõi. Trong giai đoạn 2011-2015, vốn chủ sở hữu Nhà nước tại Công ty mẹ - TCT đã tăng thêm 1.417 tỷ đồng (từ 5.971 tỷ đồng năm 2011 lên mức 7.388 tỷ đồng cuối năm 2015).

- Hoàn thành dự án di dời Công ty Thuốc lá Sài Gòn, xây dựng cơ sở sản xuất hiện đại ngang tầm khu vực, làm cơ sở cho sự phát triển bền vững của TCT.

- Đầu tư công nghệ hiện đại có chọn lọc ở những khu vực cần thiết, thay thế lao động thủ công bằng dây chuyền công nghệ ở mức độ trung bình đến tiên tiến phù hợp quy mô sản xuất tại mỗi đơn vị. Qua thời gian hoạt động, các dây chuyền máy móc thiết bị đều phát huy công suất, đáp ứng mục tiêu đầu tư. Chất lượng sản phẩm được nâng lên, hạn chế tar và nicotine trong khói thuốc lá, tỷ lệ sản phẩm trung cao cấp gia tăng, đa dạng sản phẩm theo nhu cầu của người tiêu dùng, sản lượng xuất khẩu gia tăng do đáp ứng được yêu cầu của khách hàng về chất lượng. Ngoài ra, việc đầu tư cải tiến hệ thống cũng góp phần giảm tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất

- Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng tốt với xu hướng nâng cao giá trị trong bối cảnh khó khăn của kinh tế thế giới, đặc biệt là kim ngạch xuất khẩu thuốc lá điều tăng bình quân 5,87%/năm trong khi sản lượng xuất khẩu tăng bình quân 1,9%/năm với quy mô xuất khẩu lớn bình quân trên 1 tỷ bao/năm.

3.2. Những tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới

- Sự phát triển của các đơn vị chưa đồng đều; Một vài doanh nghiệp chưa chủ động trong SXKD, còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của TCT.

- Công tác sản xuất nguyên liệu thuốc lá chưa chủ động điều tiết được sản lượng, chưa ổn định chất lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng cao của thị trường.

- Hệ thống quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, mở rộng quy mô và tái cơ cấu các lĩnh vực SXKD của TCT.

- Hoạt động nghiên cứu của Tổ hợp còn thiếu định hướng dài hạn. Sự gắn kết giữa đơn vị nghiên cứu và đơn vị SXKD chưa thật sự chặt chẽ, các đề tài nghiên cứu còn chưa ứng dụng nhiều vào thực tiễn SXKD.

- Chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long bị tạm dừng do thiếu nguồn vốn thực hiện. Các dự án di dời cơ sở sản xuất của các công ty thực phẩm - bánh kẹo vẫn chưa triển khai do thiếu nguồn vốn và gặp vướng mắc về thủ tục.

II- ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Đặc điểm tình hình

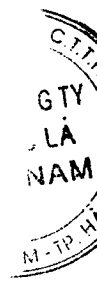
1.1. Khó khăn

- Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt sản phẩm thuốc lá sẽ tiếp tục được điều chỉnh tăng lên mức 70% từ ngày 01/01/2016; Phí đóng góp cho Quỹ Phòng, chống tác hại của Thuốc lá cũng tăng lên mức 1,5% từ ngày 01/5/2016 theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của Thuốc lá.

- Giá bán sản phẩm thuốc lá điều chỉnh ngạch tăng lên sẽ ảnh hưởng lớn đến sức mua của người dân, gián tiếp làm gia tăng tình trạng buôn bán thuốc lá nhập lậu, đặc biệt nếu các biện pháp kiểm soát của Nhà nước không được duy trì thực hiện quyết liệt, đồng bộ.

- Định hướng cổ phần hóa doanh nghiệp theo Nghị quyết 15/NQ-CP ngày 06/3/2014, Quyết định 37/2014/QĐ-TTg và Công văn số 601/TTg-ĐMDN ngày 06/4/2016 của Chính phủ vừa là cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường nhưng cũng cần quá trình chuyển đổi thật phù hợp để mang lại hiệu quả cao và bảo vệ được ngành sản xuất thuốc lá trong nước và quyền lợi người tiêu dùng.

- Các tập đoàn quốc tế với kinh nghiệm quản lý, tiềm lực tài chính mạnh và phương thức đầu tư thị trường linh hoạt đã tạo áp lực cạnh tranh gay gắt cho ngành



thuốc lá nội địa (*đặc biệt là phân khúc trung cao cấp của TCT*). Đây cũng là thách thức lớn đối với sự tồn tại, phát triển của ngành công nghiệp thuốc lá nội địa trong thời gian tới khi Việt Nam tiếp tục tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực (*TPP, ATIGA*) ở mức độ sâu rộng hơn.

- Từ 01/01/2016, Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 bắt đầu có hiệu lực thi hành, trong đó tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật lao động, qua đó có thể ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của Tổ hợp Tổng công ty.

- Hàm lượng tar và nicotine trong thuốc lá điều sẽ bị áp dụng lộ trình giảm từ sau năm 2020. Việc tuyên truyền thông tin về tác hại của tar và nicotin trong khói thuốc lá sẽ thúc đẩy xu hướng tiêu dùng chuyển sang các sản phẩm có nồng độ tar và nicotine thấp hơn. Điều này gây áp lực cho các nhà sản xuất, trong đó có TCT phải dần dần cải tiến công nghệ sản xuất để cải tiến sản phẩm vừa thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng đồng thời đáp ứng quy định của pháp luật về giới hạn tar và nicotine trong khói thuốc.

1.2. Thuận lợi

- Năm 2016, nền kinh tế nước ta được dự báo là sẽ duy trì ổn định. Chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác được điều chỉnh linh hoạt nhằm kiểm soát tốt lạm phát, thúc đẩy khu vực kinh tế trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường.

- Quá trình tái cấu trúc của Tổng công ty tiếp tục được Chính phủ và các Bộ, ngành quản lý quan tâm, hỗ trợ thực hiện theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

- Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" tiếp tục góp phần nâng cao ý thức của người tiêu dùng Việt Nam đối với hàng hóa nội địa có chất lượng đảm bảo và giá cả phù hợp.

- Chính phủ ngày càng quan tâm đẩy mạnh hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Các hiệp định thương mại được ký kết năm 2015 tiếp tục mở ra cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn cung cấp nguyên phụ liệu chất lượng cao với giá rẻ hơn cũng như cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong khu vực và trên toàn cầu.

2. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, DỰ BÁO CUNG CẦU SẢN PHẨM THUỐC LÁ GIAI ĐOẠN 2016-2020

2.1. Thị trường nội địa

Với mục tiêu giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá, Nhà nước đã ban hành các quy định theo hướng tăng thuế suất và các khoản đóng góp bắt buộc đối với sản phẩm thuốc lá điều. Theo đó, giá bán thuốc lá điều nội địa sẽ phải điều chỉnh tăng, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và có thể tạo điều kiện cho thuốc lá điều nhập lậu giá rẻ phát triển. Việc tăng thuế tiêu thụ đặc biệt và phí PCTHTL vào các năm 2016 và 2019 dự kiến sẽ ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của các doanh nghiệp nội địa, đặc biệt khi hoạt động buôn lậu thuốc lá còn diễn biến phức tạp (*đòi hỏi cần nhiều thời gian và các biện pháp đồng bộ của nhiều cơ quan Nhà nước liên quan để có thể kiểm soát chặt chẽ*). Các chính sách sẽ tác động làm tăng giá thuốc lá điều bao gồm:

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt: tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt từ 65% lên mức 70% từ ngày 1/1/2016, tăng lên 75% từ ngày 1/1/2019;

- Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá: Khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá vào Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá sẽ tăng lên 1,5% từ ngày 1/5/2016; và lên 2,0% từ ngày 1/5/2019.

- Xu hướng đô thị hóa và gia tăng thu nhập trên đầu người đến năm 2020 cho thấy xu hướng tiếp tục dịch chuyển tiêu dùng thuốc lá lên phân khúc sản phẩm trung cao cấp. Đối với phân khúc phổ thông: dự báo đến năm 2020 dân số khu vực nông thôn là 60,5 triệu người, chiếm 62,93% dân số cả nước; nhóm sản phẩm phổ thông dự kiến vẫn giữ được tỷ lệ cao nhất trong tổng sản lượng tiêu thụ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người thu nhập thấp và thị trường nông thôn.

Với những dự báo cung cầu thị trường như trên, dự kiến sản lượng sản xuất và tiêu thụ thuốc lá điều của TCT đến năm 2020 sẽ không tăng trưởng cao hơn giai đoạn trước, mà tập trung vào chuyển đổi cơ cấu theo hướng trung cao cấp kết hợp củng cố và xây dựng thương hiệu đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.

2.2. Thị trường xuất khẩu

Trong giai đoạn 05 năm tới, sản lượng thuốc lá điều tại Châu Á Thái Bình Dương, Trung Đông và Châu Phi tăng trong khi các khu vực còn lại giảm (ngoại trừ Trung Quốc). Dự báo thị trường tiêu thụ các khu vực xuất khẩu mục tiêu của Tổng công ty sẽ tăng trưởng trong giai đoạn tới do có sự phát triển dân số và tăng thu nhập và tiêu dùng. Điều này sẽ tác động tới quy mô gia công sản xuất thuốc lá bao xuất khẩu của Tổng công ty và toàn ngành.

3. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

3.1. Mục tiêu phát triển

Giữ vững vị trí là Tổ hợp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc lá tại Việt Nam và xuất khẩu; Đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển kinh tế đất nước.

Giữ vai trò dẫn đạo và thúc đẩy ngành thuốc lá Việt Nam phát triển trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Định hướng phát triển

- Theo Phương án sắp xếp, cổ phần hóa TCT giai đoạn sau năm 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 601/TTg-ĐMDN ngày 06/4/2016, TCT sẽ tiếp tục tập trung phát triển trên lĩnh vực SXKD cốt lõi là thuốc lá: Tái cấu trúc tổ chức sản xuất kinh doanh lĩnh vực thuốc lá nhằm tối ưu hóa chuỗi giá trị thuốc lá của tổ hợp Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty theo định hướng của Nhà nước; tiếp tục giữ vị trí hàng đầu trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh nguyên phụ liệu và các sản phẩm thuốc lá.

- Lĩnh vực thực phẩm - bánh kẹo: TCT sẽ thực hiện thoái hết phần vốn góp của TCT tại các công ty sản xuất, kinh doanh bánh kẹo theo Công văn số 601/TTg-ĐMDN ngày 06/4/2016 về việc Phương án sắp xếp, cổ phần hóa TCT giai đoạn sau năm 2015.

3.3. Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2016-2020

Chỉ tiêu	ĐVT	ƯTH 2016 (Bao gồm bánh kẹo)	ƯTH 2016 (không bao gồm bánh kẹo)	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	Tốc độ BQ GD 16-20 (%)
1. Giá trị SXCN (giá thực tế)	Tỷ đồng	25.400	23.500	23.780	24.200	24.500	25.500	2,1
2. Sản phẩm chính								
Thuốc điều	Triệu bao	3.350	3.350	3.390	3.488	3.502	3.524	1,3
+ Nội tiêu	"	2.160	2.160	2.200	2.267	2.272	2.286	1,4
+ Xuất khẩu	"	1.190	1.190	1.190	1.221	1.230	1.238	1,0
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	26.100	23.833	23.900	23.874	24.902	26.199	2,4
+ Doanh thu thuốc điều	"	13.211	13.211	13.552	14.790	15.270	16.050	5,0
4. Nộp ngân sách	"	9.125	9.052	9.187	10.057	11.004	11.586	6,4
5. Lợi nhuận sau thuế	"	940	887	941	880	920	960	2,0
6. Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH	%	13,26	12,04	12,53	13,0	13,46	13,9	
7. Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	175	161	161	175	178	190	4,2

Ghi chú:

Số liệu xây dựng kế hoạch SXKD 5 năm 2016-2020 của TCT không bao gồm số liệu của các công ty SXKD bánh kẹo do TCT sẽ hoàn thành thoái vốn tại các công ty con SXKD bánh kẹo chậm nhất vào quý 2/2017 theo chỉ đạo của Chính phủ tại công văn 601/TTg-ĐMDN ngày 06/4/2016 và Bộ Công Thương tại CV số 230/TB-BCT ngày 01/7/2016).

3.4. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020

Toàn Tổ hợp TCT dự kiến thực hiện 45 dự án, trong đó có 28 dự án chuyển tiếp và 17 dự án khởi công mới. Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn này là 3.926 tỷ đồng, trong đó 17 dự án nhóm B là 3.476 tỷ đồng, chiếm 88,5 % tổng mức đầu tư dự kiến và 28 dự án nhóm C là 450 tỷ đồng, chiếm 11,5 % tổng mức đầu tư (*Danh mục đầu tư chi tiết trong Biểu đính kèm*).

a) Các mục tiêu chính của chương trình đầu tư của TCT như sau

- Tiếp tục đầu tư cho công tác di dời các cơ sở sản xuất ra ngoài trung tâm thành phố theo quy hoạch đô thị được duyệt.
- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa và nâng cao năng suất dây chuyền thiết bị, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và ngoài nước về số lượng, chất lượng thuốc lá điều, từng bước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Đầu tư cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm hàm lượng tar và nicotine trong khói thuốc lá theo quy định của Chính phủ.
- Cải tiến thiết bị in bao bì đáp ứng nhu cầu in cảnh báo trên bao thuốc lá.
- Đầu tư xây dựng kho chứa nguyên liệu thuốc lá đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Đầu tư hệ thống xử lý môi trường có công nghệ tiên tiến, góp phần cải thiện hiệu quả ô nhiễm môi trường.
- Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc, cơ sở nghiên cứu đáp ứng nhu cầu làm việc, nghiên cứu của CB CNV.

b) Nhu cầu vốn đầu tư

Trong giai đoạn 2016-2020, TCT tập trung đầu tư có trọng điểm, trong đó ưu tiên tiết kiệm vốn và nguồn lực, nâng cao hiệu quả sau đầu tư các dự án.

Nhu cầu vốn đầu tư theo các mục tiêu chính như sau:

Lĩnh vực đầu tư	Nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ
- Đầu tư máy móc thiết bị	2.893	73,7%
- Đầu tư di dời nhà máy thuốc điều	436	11,1%
- Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc	245	6,2%
- Đầu tư xây dựng cơ bản	352	9,0%
Tổng cộng	3.926	100,0%

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 như sau:

Tổng vốn đầu tư	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ
- Vốn có nguồn gốc Ngân sách Nhà nước	2.080	53,0%
- Vốn tự có của Doanh nghiệp	1.719	43,8%
- Vốn vay tín dụng thương mại	127	3,2%
Tổng vốn đầu tư	3.926	100,0%

Vốn có nguồn gốc ngân sách chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư (*chiếm 53,80%*), được sử dụng cho các Dự án thành phần trong Chương trình tổng thể đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Sài Gòn, Thăng Long.

Hiện nay, Công ty Thuốc lá Thăng Long do còn vướng về thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất tại 235 Nguyễn Trãi nên vẫn chưa sử dụng được nguồn vốn từ tiền chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, bán nhà xưởng sau khi di dời.

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

4.1. Giải pháp tái cơ cấu hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Thực hiện thí điểm cổ phần hoá Công ty TNHH 02 TV Thuốc lá Hải Phòng năm 2016-2017, cổ phần hoá TCT- Công ty mẹ vào năm 2018 theo định hướng của Nhà nước.

- Từng bước tổ chức lại một số chức năng như sau: Quản trị công tác nghiên cứu phát triển (R&D), quản trị nguồn nhân lực, quản trị Tài chính – Kế toán, quản trị Thương hiệu - Truyền thông, quản trị Chiến lược - Kế hoạch, kiểm soát nội bộ theo hướng tăng cường tiềm lực và sức mạnh tập trung ở Công ty mẹ đồng thời phân quyền sâu trong từng lĩnh vực để phát huy các nguồn lực và tính chủ động sáng tạo của các công ty con.

- Tái cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh trực tiếp tại Công ty mẹ, tái cơ cấu 02 công ty thương mại thuốc lá theo định hướng hiệu quả, chuyên nghiệp và phù hợp với xu hướng phát triển thị trường hiện đại.

- Xây dựng và phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các phòng, ban chuyên môn.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của phòng Thị trường, gắn chức năng điều hành thị trường chung của toàn Tổ hợp.
- Xây dựng và thực thi hệ thống kiểm soát quy trình, phòng ngừa rủi ro.
- Chuẩn hóa về công khai và minh bạch hóa thông tin trong toàn Tổng công ty.
- Xây dựng ISO hoặc phương pháp quản trị doanh nghiệp hiện đại khác để phục vụ hoạt động Cơ quan Văn phòng Tổng công ty.
- Xây dựng cơ chế đặc thù để thu hút, đào tạo, phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật, phối chế và nghiên cứu phát triển sản phẩm.
- Phát triển đội ngũ cán bộ, chuyên viên, nhân viên làm công tác thị trường chuyên nghiệp đảm bảo đáp ứng được yêu cầu giữ vững, phát triển thị trường của Tổng công ty trong và ngoài nước.
- Phát triển bộ phận chuyên trách về tài chính thuộc phòng Tài chính – Kế toán nhằm tư vấn, tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty thực hiện mục tiêu chiến lược.

4.2. Giải pháp về thị trường

- Tập trung đầu tư để mở rộng phân khúc thị trường sản phẩm tầm trung cấp đến cận cao cao cấp (từ 11.000 đồng đến 20.000 đồng).
- Tập trung đầu tư quản lý thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật. Tổng công ty kiểm soát việc đưa sản phẩm mới ra thị trường của toàn tổ hợp.
- Tái cơ cấu danh mục sản phẩm, loại bỏ các sản phẩm phổ thông lỗ 03 năm liên tục không có tiềm năng phát triển, không phát triển thêm các sản phẩm phổ thông mới.
- Từng bước xây dựng hệ thống quản trị phù hợp hệ thống phân phối cho toàn Tổng công ty nhằm đảm bảo khả năng kiểm soát thị trường, quản trị bán hàng và giảm thiểu va chạm lợi ích giữa các thành viên trong tổ hợp.
- Hoàn thiện cơ chế quản lý kênh phân phối thông qua các công cụ: quy chế nhà phân phối của Tổng công ty, tham gia ý kiến đối với việc cấp phép đủ điều kiện bán buôn, bán lẻ thuốc lá trong hệ thống chung.
- Đầu tư những công cụ và thiết lập hệ thống báo cáo phục vụ thu thập thông tin thị trường của toàn hệ thống phân phối.
- Hỗ trợ các hoạt động cộng đồng, thực hiện các hình thức hướng dẫn người tiêu dùng không nên sử dụng thuốc lá kém chất lượng, thuốc lá nhập lậu để đẩy mạnh tiêu thụ nội địa.

4.3. Giải pháp phát triển thị trường xuất khẩu

- Thị trường mục tiêu là các nước đang phát triển: Châu Phi, Châu Mỹ La Tinh, Trung Mỹ, Triều Tiên, Đông Nam Á. Tìm kiếm cơ hội thâm nhập vào thị trường Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) cũ.
- Củng cố quan hệ với các đối tác xuất khẩu lớn truyền thống. Tiếp tục tìm kiếm thêm các đối tác mới xuất khẩu cho thị trường Châu Phi.
- Đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm thuộc sở hữu nhãn hiệu của Tổng công ty và các công ty thành viên.

- Chú trọng đảm bảo tính hợp pháp của việc sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, tránh rủi ro và tranh chấp quốc tế.

- Liên kết các đơn vị thành viên trong Tổng công ty, tiến tới từng bước tổ chức lại hoạt động sản xuất khẩu thuốc lá điều theo định hướng tập trung đầu mỗi nhằm phát huy lợi thế nhà cung cấp lớn trong đàm phán giao dịch ngoại thương, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả xuất khẩu.

- Xây dựng các chương trình xúc tiến và cơ chế hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu tập trung của Tổ hợp Tổng công ty với các giải pháp sau:

- Xây dựng mạng lưới kết nối xúc tiến thương mại tại các thị trường nước ngoài thông qua các cơ quan đại diện của Việt Nam, đầu mối là Công ty Xuất Nhập khẩu Thuốc lá.

- Đăng ký bảo hộ quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá tại các thị trường xuất khẩu tiềm năng để bảo vệ quyền lợi và đầu tư thị trường trong dài hạn.

4.4. Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá

- Đầu tư trọng điểm các vùng trồng thuốc lá vàng có chất lượng cao như Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tây Ninh, Gia Lai, Đắk Lắk.

- Hình thành những vùng tập trung sản xuất nguyên liệu thuốc lá theo cơ chế thị trường thông qua việc kết hợp với chính quyền địa phương trong việc thuê lại đất trồng cây thuốc lá của các hộ nông dân nhằm từng bước chuyển người nông dân thành người công nhân nông nghiệp trên cánh đồng tuân thủ các quy trình canh tác thu hoạch, sơ chế, phân cấp của doanh nghiệp đầu tư.

- Tiếp tục ký kết các hợp đồng dài hạn từ 3-5 năm làm cơ sở cho các đơn vị nguyên liệu xây dựng và tổ chức thực hiện phát triển vùng trồng thuốc lá nguyên liệu.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Tổng công ty về quản lý công tác nguyên liệu phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hài hòa lợi ích của các đơn vị và toàn Tổ hợp.

- Rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về phân cấp nguyên liệu, nguyên liệu chế biến trình các Bộ, ngành liên quan phê duyệt;

4.5. Giải pháp về khoa học, công nghệ, nghiên cứu phát triển

- Hiện đại hóa dần từng công đoạn then chốt trong quy trình công nghệ sản xuất thuốc điều như: Dây chuyền chế biến sợi, trương nở sợi, các thế hệ máy vắn, máy đóng bao có công suất lớn và trình độ tự động hóa cao ;

- Phát triển tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm thuốc lá điều từ trung cấp trở lên trong đó định hướng nghiên cứu thay đổi kiểu dáng bao bì, mẫu mã tạo ra những sản phẩm có hình thức đẹp, hấp dẫn người tiêu dùng, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm, dòng sản phẩm; định hướng giảm dần lượng nicotine, tar trong khói thuốc lá để chuẩn bị cho lộ trình giảm Tar và Nicotine sau năm 2020.

- Đầu tư xây dựng Viện Thuốc lá trở thành đơn vị đi sâu vào nghiên cứu phát triển kỹ thuật công nghệ, đặc biệt là lĩnh vực sinh học thuốc lá, đồng thời trở thành đầu mối kiểm tra chất lượng sản phẩm cho toàn ngành.

- Trong lĩnh vực sản xuất thuốc lá điều, Tổng công ty sẽ đầu tư hình thành các Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm tại 2 đơn vị là Công ty Thuốc lá Sài Gòn và Công ty Thuốc lá Thăng Long để làm cơ sở phục vụ cho các mục tiêu của từng dự án của Tổng công ty cũng như hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển của các đơn vị khác.

- Xây dựng lộ trình từng bước quản lý bí quyết công nghệ nhằm thực hiện quản lý thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm của Tổng công ty;

4.6. Giải pháp về vốn, tài chính

- Thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính. Tập trung vốn đầu tư cho lĩnh vực SXKD thuốc lá. Chuẩn bị tốt phương án cổ phần hoá Công ty mẹ Tổng công ty nhằm thực hiện IPO thành công, dự kiến vào năm 2018, huy động được nguồn lực từ xã hội, chuyển đổi và nâng cao hiệu quả hoạt động của TCT.

- Đánh giá các hoạt động, sắp xếp quy trình SXKD, điều chỉnh quy mô sản xuất phù hợp, trên cơ sở đó đánh giá lại quy mô cơ cấu nợ - vốn tối ưu, đảm bảo tất cả các đơn vị kinh doanh có lãi và phân đầu chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bằng hoặc cao hơn cùng kỳ năm trước.

- Xây dựng hạn mức cho nợ; Xây dựng phương án dự trữ hàng tồn kho, chú trọng công tác kiểm kê, nghiên cứu ứng dụng phần mềm SAP trong quản trị hàng tồn kho.

- Hoàn thiện công tác kế toán quản trị, công tác quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp trong toàn Tổng công ty.

III- ĐỀ NGHỊ

Từ những nội dung trình bày trên, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Kính trình Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Thành viên;
- Kiểm soát viên TCT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Kiểm soát nội bộ;
- P.TCKT, P.ĐT, VPHĐTV;
- Lưu: VT, KTKH.



Vũ Văn Cường

CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Đính kèm Tờ trình số: 757 /TTr-TLVN ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch 5 năm được cấp có thẩm quyền giao (QĐ 533)	Kết quả thực hiện 5 năm						Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 5 năm 2011-2015 (%)	Tăng trưởng BQ (%)	
			TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	5 năm 2011-2015		2011-2015 (QĐ 533)	TH 2011-2015
1. Giá trị SXCN (giá thực tế)	Tỷ đồng		20.461	18.740	23.878	22.365	25.544	110.987			5,7
Giá trị SXCN (giá CĐ 94)	"	51.537	10.033	9.958	11.918	10.567	12.482	54.957	106,6	2,1	5,6
2. Sản phẩm chính											
a) Thuốc điếu	Triệu bao	16.738	3.215	3.066	3.315	3.149	3.433	16.178	96,7	2,2	1,7
- Nội tiêu	"	11.123	2.096	2.047	2.230	1.922	2.228	10.523	94,6	3,1	1,5
- Xuất khẩu	"	5.615	1.119	1.019	1.086	1.227	1.205	5.655	100,7	0,3	1,9
b) Bánh kẹo	Tấn	202.569	38.101	34.000	35.452	36.528	36.644	180.725	89,2	3,1	-1,0
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	162.103	31.892	28.085	32.618	30.111	32.876	155.582	96,0	2,8	0,8
- Doanh thu thuốc điếu	Tỷ đồng	81.769	15.083	15.511	18.650	18.376	20.006	87.626	107,2	4,4	7,3
- Doanh thu bánh kẹo	Tỷ đồng	11.205	1.955	1.881	2.099	2.281	2.243	10.459	93,3	9,9	3,5
Tổng doanh thu (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	"		23.448	22.393	25.921	24.365	26.050	122.177			2,7
+ Thuế TTĐB thuốc điếu	"		5.365	5.686	6.697	5.746	6.826	30.320			6,2
4. Nộp ngân sách	Tỷ đồng	35.431	6.655	7.165	8.283	7.577	8.654	38.334	108,2	4,7	6,8
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	5.122	931	835	1.354	1.317	1.332	5.769	112,6	5,7	9,4
6. Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH	%		16,70	12,55	18,92	17,84	16,30	82,31			-0,6
7. Kim ngạch xuất khẩu	1000 USD	804	137	132	160	175	176	781	97,1	3,9	6,5
8. Lao động bình quân	người		13.756	13.487	13.171	13.075	12.749	66.238			-1,9
9. Thu nhập bình quân	tr.đ/ng/tháng		6,9	7,4	9,4	8,8	10,6	43,1			11,3

CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Đính kèm Tờ trình số: 757 /TTr-TLVN ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

Chi tiêu	ĐVT	ƯTH 2016 (bao gồm khối bánh keo)	Kế hoạch 5 năm 2016-2020					Tăng BQ 2016-2020 (%)	
			ƯTH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020		5 năm 2016-2020
1. Giá trị SXCN (giá thực tế)	Tỷ đồng	25.400	23.500	23.780	24.200	24.500	25.500	121.480	2,1
2. Sản phẩm chính									
Thuốc điếu	Triệu bao	3.350	3.350	3.390	3.488	3.502	3.524	17.254	1,3
- Nội tiêu	"	2.160	2.160	2.200	2.267	2.272	2.286	11.185	1,4
- Xuất khẩu	"	1.190	1.190	1.190	1.221	1.230	1.238	6.069	1,0
3. Tổng doanh thu (không bao gồm khối bánh kẹo và thuế TTĐB)	Tỷ đồng	26.100	23.833	23.900	23.874	24.902	26.199	122.708	2,4
+ Doanh thu thuốc điếu (không bao gồm thuế TTĐB)		13.211	13.211	13.552	14.790	15.270	16.050	72.873	5,0
4. Nộp ngân sách (không bao gồm khối bánh kẹo)	Tỷ đồng	9.125	9.052	9.187	10.057	11.004	11.586	50.886	6,4
5. Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm khối bánh kẹo)	"	1.180	1.000	1.050	1.100	1.150	1.200	5.500	4,7
5b. Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm khối bánh kẹo)	"	940	887	941	880	920	960	4.588	2,0
6. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn CSH	%	13,3	12,0	12,5	13,0	13,5	13,9	64,9	3,7
7. Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	175	161	161	175	178	190	865	4,2
8. Lao động bình quân	người	12.500	8.000	7.600	8.430	8.560	8.690		2,1

Ghi chú:

- Số liệu kế hoạch SXKD giai đoạn 2016-2020 không bao gồm số liệu bánh kẹo do TCT thực hiện thoái hết phần vốn tại các công ty sản xuất, kinh doanh bánh kẹo trong năm 2017 theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Công Thương.

- Chỉ tiêu lợi nhuận và doanh thu dự kiến là số tổng hợp soát xét, ước tính lợi nhuận sau thuế với giả định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp không thay đổi trong cả giai đoạn là 20%.

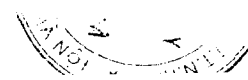
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Đính kèm Tờ trình số 35 /TTr-TLVN ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
	TỔNG SỐ						4.648,888	3.926,004	2.079,778	127,000	1.719,226
A	Nhóm B						4.198,012	3.476,343	2.054,328	127,000	1.295,015
I	Khởi thuốc lá điều						3.475,176	2.753,753	2.054,328	0,000	699,425
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						2.296,025	1.574,602	1.367,205	0,000	207,397
1	Dự án Đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long	B	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2008-2018	700 triệu/bao	500,533	406,033	406,033		
2	Dự án đầu tư dây chuyền chế biến sợi 6 tấn/giờ của Công ty TL Thăng Long	B	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2009-2018	6 tấn/giờ	690,830	690,036	690,036		
3	Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ cho kho nguyên liệu và kho thành phẩm của Công ty TL Sài Gòn	B	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. HCM	2011-2016	1.000 tấn nguyên liệu - 33 triệu gói	155,516	155,087	155,087		
4	Dự án đầu tư chiều sâu phân xưởng sợi Công ty Thuốc lá Sài Gòn	B	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, TP.HCM	2015-2016	3.200 kg/ giờ	86,546	86,049	86,049		
5	Dự án đầu tư di dời Công ty Thuốc lá Sài Gòn	B	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. HCM	2003-2014	1,5 tỷ bao/năm	653,968	30,000	30,000		

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
6	Dự án đầu tư 01 dây chuyền thiết bị đồng bộ cuốn điều 7000-8000 điều/phút và đóng bao compact 350-400 bao/phút Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	B	Công ty Thuốc lá Bắc Sơn	Bắc Ninh	2015-2016		140,440	140,240			140,240
7	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thuốc lá điều của Công ty TNHH Liên doanh Vina-Bat tại tỉnh Kiên Giang	B	Công ty TNHH Liên doanh Vina-Bat	Kiên Giang	2015-2016	Công trình cấp III	68,192	67,157			67,157
Dự án khởi công mới							1.179,151	1.179,151	687,123	0,000	492,028
8	Dự án Đầu tư 01 dây chuyền cuốn ghép đầu lọc 10.000 điều/phút và đóng bao mềm 500 bao/phút của Công ty TL Thăng Long	B	Công ty Thuốc lá Thăng Long	235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	2016	01 dây chuyền đóng bao mềm 500 bao/phút	182,068	182,068			182,068
9	Dự án đầu tư dây chuyền cuốn điều và dây chuyền đóng bao Công ty TL Thăng Long	B	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2018-2020	(04 dây chuyền cuốn điều đóng bao tốc độ 7000điều/phút và 350 bao/phút)	456,165	456,165	456,165		
10	Dự án đầu tư thiết bị tự động cho kho nguyên liệu, kho thành phẩm, kho vật tư phụ liệu và cung cấp vật tư phụ liệu cho phân xưởng cuốn điều - đóng bao Công ty TL Thăng Long	B	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2018-2020		80,000	80,000	80,000		

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMDT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
11	Dự án Đầu tư dây chuyền thiết bị đồng bộ cuốn- ghép đầu lọc 7.000 điều/phút và đóng bao compact 350 bao/phút Công ty TL Thăng Long	B	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2017-2018	7000 điều/phút và 350 bao/phút	159,960	159,960			159,960
12	Dự án đầu tư dây chuyền cuốn điều và dây chuyền đóng bao tầm trung Công ty Thuốc lá Sài Gòn	B	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, TP.HCM	2016-2017	7.200-8.000 điều/phút và 350-400 bao/phút	150,958	150,958	150,958		
13	Dự án đầu tư dây chuyền cuốn điều tốc độ 10,000 điều/phút và đóng bao tốc độ 400 bao/phút cho sản phẩm Demi Slim - Công ty Thuốc lá Sài Gòn	B	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, TP.HCM	2016-2017	400 bao/phút	150,000	150,000			150,000
II	Khối nguyên phụ liệu						390,000	390,000	0,000	127,000	263,000
	<i>Dự án khởi công mới</i>						<i>390,000</i>	<i>390,000</i>	<i>0,000</i>	<i>127,000</i>	<i>263,000</i>
14	Dự án đầu tư máy in ống đồng 10 màu (in bao bì) Công ty Cổ phần Cát Lợi	B	Công ty Cổ phần Cát Lợi	KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM	2019-2020	250 m/phút	90,000	90,000		27,000	63,000
15	Đầu tư 01 dây chuyền trương nở sợi, cuộn cung cấp cho các Công ty sản xuất thuốc lá điều		Công ty CP Hòa Việt		2016-2020		300,000	300,000		100,000	200,000
III	Khối văn phòng Tổng công ty						332,836	332,590	0,000	0,000	332,590
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						<i>332,836</i>	<i>332,590</i>	<i>0,000</i>	<i>0,000</i>	<i>332,590</i>



TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
16	Dự án xây dựng trụ sở làm việc của Tổng công ty Thuốc lá tại 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	B	Tổng công ty Thuốc lá VN	30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2015-2017	Xây trụ sở 9 tầng, 2 tầng hầm, DT xây dựng: 595 m2	195,141	194,895			194,895
<i>Dự án khởi công mới</i>											
17	Dự án xây kho của Công ty Thương mại Thuốc lá	B	Công ty Thương mại Thuốc lá		2017	Xây nhà cấp III, 2 tầng, DT: 5.000 m2, đầu tư thiết bị kho tàng	137,695	137,695			137,695
B	Nhóm C						450,876	449,661	25,450	0,000	424,211
I	Khởi thuốc lá điều						228,670	227,455	25,450	0,000	202,005
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						46,020	44,805	0,000	0,000	44,805
1	Dự án đầu tư hệ thống PCCC các kho chứa nguyên liệu thuốc lá tại Long Bình của Công ty Thuốc lá Sài Gòn	C	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	phường Long Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	2014-2016		24,906	24,266			24,266
2	Dự án đầu tư xây dựng kho chứa nguyên liệu thuốc lá tại Long Bình của Công ty Thuốc lá Sài Gòn	C	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	phường Long Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	2014-2016	2.500 tấn	13,965	13,390			13,390
3	Dự án đầu tư nâng cấp trạm biến áp - Công ty Thuốc lá Thăng Long	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long		2015-2016		1,705	1,705			1,705

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMDT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
4	Dự án đầu tư máy ném khí kiểu trục vít, không dầu, làm mát bằng không khí, áp suất từ 8-9 bar, lưu lượng từ 10-11 m ³ phút - Công ty Thuốc lá Thăng Long	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long		2015-2016		2,734	2,734			2,734
5	Dự án đầu tư thiết bị phân tích chỉ tiêu hóa học - Công ty Thuốc lá Thăng Long	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long		2015-2016		2,710	2,710			2,710
	Dự án khởi công mới						182,650	182,650	25,450	0,000	157,200
6	Dự án xây dựng kho chứa nguyên liệu tại Vĩnh Lộc Công ty Thuốc lá Sài Gòn	C	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, TP.HCM	2015-2016		57,000	57,000			57,000
7	Dự án máy đóng bao HLP cho sản phẩm Demi Slim Công ty Thuốc lá Sài Gòn	C	Công ty Thuốc lá Sài Gòn	Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, TP. HCM	2016	160-180 bao/phút	5,700	5,700			5,700
8	Dự án tái bố trí dây chuyền chế biến sợi 3 tấn/giờ của Công ty Thuốc lá Sài Gòn cho Công ty Thuốc lá An Giang thuê (dây chuyền Comas)	C	Công ty Thuốc lá Sài Gòn		2016		23,000	23,000			23,000
9	Dự án cải tạo dây chuyền chế biến sợi 2,5 tấn/giờ Công ty Thuốc lá Thăng Long	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long	235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	2015-2016	cải tạo dây chuyền 2,5 tấn/giờ	49,320	49,320			49,320

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMDT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
10	Dự án đầu tư hệ thống hút bụi - cấp sợi trung tâm cho các máy cuốn - ghép phân xưởng cuốn điều - đóng bao của Công ty Thuốc lá Thăng Long	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2018-2020		14,740	14,740	14,740		
11	Dự án đầu tư hệ thống xử lý mùi cho phân xưởng sợi của Công ty Thuốc lá Thăng Long	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2018-2020		10,710	10,710	10,710		
12	Dự án "Đầu tư máy nén khí kiểu trục vít, không dầu, làm mát bằng không khí, áp suất từ 8-9 bar, lưu lượng từ 10-11 m ³ /phút	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2017		2,440	2,440			2,440
13	Dự án thiết bị kiểm tra vật lý điều thuốc	C	Công ty Thuốc lá Thăng Long	Khu công nghiệp Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội	2017		7,140	7,140			7,140
14	Dự án đầu tư mua sắm máy đo độ kín Bóng kính bao, nút Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	C	Công ty Thuốc lá Thanh Hóa		2016		1,600	1,600			1,600
15	Dự án đầu tư mua sắm nồi hơi Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	C	Công ty Thuốc lá Thanh Hóa		2016	5 tấn hơi/giờ	2,000	2,000			2,000
16	Dự án đầu tư mua sắm máy phát điện Công ty Thuốc lá Thanh Hóa	C	Công ty Thuốc lá Thanh Hóa		2016	500 KVA	2,000	2,000			2,000

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
17	Dự án xây dựng tường rào san lấp mặt bằng Công ty Vinataba PhilipMoris	C	Công ty Vinataba PhilipMoris	Cần Thơ	2016	khu đất 2 ha	7,000	7,000			7,000
II	Khối nguyên phụ liệu						172,206	172,206	0,000	0,000	172,206
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						<i>42,806</i>	<i>42,806</i>	<i>0,000</i>	<i>0,000</i>	<i>42,806</i>
18	Dự án đầu tư 01 máy sản xuất cây đầu lọc - Công ty CP Cát Lợi	C	Công ty CP Cát Lợi	KCN Cát Lái, Q.2 TPHCM	2015-2016		15,094	15,094			15,094
19	Dự án đầu tư 01 máy in ống đồng 08 màu và 01 máy cắt giấy chia cuộn - Công ty CP Cát Lợi	C	Công ty CP Cát Lợi	KCN Cát Lái, Q.2 TPHCM	2015-2016		27,712	27,712			27,712
	<i>Dự án khởi công mới</i>						<i>129,400</i>	<i>129,400</i>	<i>0,000</i>	<i>0,000</i>	<i>129,400</i>
20	Báo cáo kinh tế kỹ thuật Xây dựng Trạm thu mua thuốc lá nguyên liệu tại Nam Tuấn - Hòa An - Cao Bằng" Viện KTKT Thuốc lá	C	Viện KTKT Thuốc lá	Nam Tuấn - Hòa An - Cao Bằng	2016	Công trình cấp 4 diện tích xây dựng 900 m2	3,400	3,400			3,400
21	Dự án đầu tư máy in ống đồng (in giấy sấp) 8 -10 màu	C	Công ty Cổ phần Cát Lợi	KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM	2017	250 m/phút	25,000	25,000			25,000
22	Dự án đầu tư máy sản xuất cây đầu lọc	C	Công ty Cổ phần Cát Lợi	KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM	2016-2017	400m/phút	20,000	20,000			20,000
23	Dự án đầu tư máy cắt giấy	C	Công ty Cổ phần Cát Lợi	KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM	2017	200m/phút	4,000	4,000			4,000
24	Dự án đầu tư máy đục lỗ	C	Công ty Cổ phần Cát Lợi	KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM	2020	600m/phút	25,000	25,000			25,000

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020 (tỷ đồng)			
								Tổng số	Vốn có nguồn gốc từ NS	Vốn vay TM	Vốn tự có của DN
25	Dự án đầu tư cải tạo xây dựng kho chứa nguyên liệu thuốc lá tại BÀNG VÂN-CN Bắc Cạn của Công ty CP Ngân Sơn	C	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	Chi nhánh Bắc Cạn	2017	Diện tích 2200 m ²	5,000	5,000			5,000
26	Dự án Kho chứa nguyên liệu Công ty Cổ phần Hòa Việt	C	Công ty CP Hòa Việt		2015-2016	10.000 m ²	35,000	35,000			35,000
27	Dự án xây dựng kho chứa nguyên liệu của Công ty CP Hòa Việt	C	Công ty CP Hòa Việt	Biên Hòa, Đồng Nai	2018-2019	4.000 m ²	12,000	12,000			12,000
III	Khối văn phòng						50,000	50,000			50,000
	<i>Dự án khởi công mới</i>						50,000	50,000			50,000
28	Dự án xây dựng trụ sở văn phòng Viện KTKT Thuốc lá đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị phòng phân tích	C	Viện Kinh tế Kỹ thuật Thuốc lá	133 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	2016-2017	Xây dựng nhà 4 tầng trên diện tích 2400 m ²	50,000	50,000			50,000

Ghi chú: Vốn có nguồn gốc từ ngân sách ở đây là vốn từ tiền chuyển mục đích sử dụng đất, bán tài sản trên đất sau di dời